

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/DS-ST
Ngày 22-9-2020
“Tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST- DS, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-DS, ngày 17/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2020/QĐST-DS ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 201, ấp Khánh N, xã Tân Khánh Đ, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng T; (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Ngọc T, sinh năm 1938; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 165, ấp Khánh M B, xã Tân Khánh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T.

3. *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

3.1. Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1978; (Có mặt)

3.2. Chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 165, ấp Khánh Mỹ B, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, tại phiên tòa chị U là nguyên đơn trình bày:

Do quen biết chị U có cho bà T, anh N, chị P vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 25/5/2015AL bà T, anh N, chị Phượng vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, có làm hợp đồng vay. Ngày 15/01/2017 vay 19.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận. Ngày 15/8/2017AL vay 22.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận, có thể chấp 01 giấy CNQSD đất tên Huỳnh Văn Nay, chị U yêu cầu trả lại vốn nhưng bà T, anh N, chị P hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả.

Biên nhận ngày 25/5/2015 do bà T với chị P ký nhận tiền; biên nhận ngày 15/01/2017 chỉ có chị P ký nhận; biên nhận 15/8/2017 do chị P ký nhận. Chị U cho rằng anh N biết việc chị P vay tiền là do chị P nói anh N không biết chữ nên không đến ký tên, việc giao tiền tại nhà chị U. Khi vay tiền thì bà T với chị P có thể chấp cho chị U 01 giấy CNQSD đất tên Huỳnh Văn Nay.

Nay chị U yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Bùi Ngọc T, anh Huỳnh Văn N và chị Lê Thị Bích P liên đới trả tiền nợ vay vốn là: Ngày 25/5/2015AL bà T, anh N, chị Phượng vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi xét xử. Đối với 02 lần vay còn lại thì yêu cầu trả vốn là 41.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Chị U sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Huỳnh Văn Nay cho bà T với chị P.

- Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Huỳnh Văn N là người có quyền lợi và N vụ trình bày:

Vợ anh T là chị P và mẹ ruột là bà T vay tiền của chị U tôi hoàn toàn không hay biết, do tôi đi làm thuê thường xuyên vắng nhà và cũng không biết việc chị P và bà T thế chấp giấy CNQSD đất tên Huỳnh Văn Nay cho chị U. Đến cuối năm 2019 khi vợ tôi bỏ đi, sau đó nghe mẹ vợ nói anh N mới biết việc bà T và chị P có vay của chị U là 8.000.000 đồng, vay vào thời gian nào tôi cũng không biết. Việc vay tiền của bà T và chị P sử dụng vào mục đích gì tôi cũng không biết, trong nhà thì anh N không thấy mua sắm thêm vật dụng gì, còn việc tiền chi tiêu hằng ngày trong gia đình là tiền do anh N và chị P đi làm thuê. Anh N cho rằng lúc mẹ anh lẫn tay vào biên nhận nợ thì tinh thần cũng không minh mẫn vì lúc đó bà T đã 77 tuổi. Nay anh N chỉ thừa nhận là hiện nay bà T là mẹ anh còn nợ chị U 10.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, số tiền còn lại thì anh N hoàn toàn không biết và cũng không đồng ý trả cho chị U. Anh N đề nghị chị Nguyễn Thị U trả lại giấy CNQSD đất tên Huỳnh Văn Nay, vì chị U giữ giấy đất là không hợp pháp.

- Tại biên bản lấy lời khai bà T trình bày:

Có một lần chị P chở bà T ra quán cà phê, kêu ký tên để vay tiền thì bà T có ký, rồi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U. Còn số tiền bao nhiêu, xài việc gì thì bà T không biết. Còn những lần vay khác của chị P thì bà T không biết. Nay bà T đã già yếu, không có thu nhập gì nên không đồng ý trả.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà T, anh N, chị P là bị đơn, người có quyền lợi và N vụ liên quan đang sinh sống tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T, chị P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về chủ thể ký kết biên nhận:

Biên nhận ngày 25/5/2015, vay 10.000.000 đồng, do bà T với chị P ký nhận tiền; biên nhận ngày 15/01/2017, vay 19.000.000 đồng, chỉ có chị P ký nhận; biên nhận 15/8/2017, vay 22.000.000 đồng, do chị P ký nhận.

Do chị P không đến Tòa, bà T và anh N không đồng ý trả theo yêu cầu của bà U, bà U cũng không chứng minh được chị P vay tiền để sử dụng trong gia đình. Do đó, ai ký biên nhận nào thì người đó trả biên nhận đó.

- Đối với biên nhận ngày 25/5/2015 do bà T và chị P ký tên. Bà U yêu cầu bà T, chị P và anh N cùng trả. Nhưng anh N chỉ đồng ý trả vốn 10.000.000 đồng. Do đó, công nhận sự tự nguyện này của anh N. Còn đối với tiền lãi thì buộc bà T và chị P cùng liên đới trả.

- Biên nhận ngày 15/01/2017, vay 19.000.000 đồng, chỉ có chị P ký nhận; biên nhận 15/8/2017, vay 22.000.000 đồng, do chị P ký nhận. Do đó, bà U yêu cầu chị P, bà T, anh N cùng liên đới trả, vì bà U cho rằng khi chị P vay tiền thì đưa tiền cho chị P, chị P ký tên, còn bà T với anh N thì không ký, nhưng bà U không chứng minh được bà T và anh N có biết việc vay tiền của chị P và sử dụng số tiền này. Nên Tòa án chỉ buộc chị P có trách nhiệm trả.

- Đối với phần yêu cầu lãi, do biên nhận ngày 25/5/2015 đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng vay có lãi nên chỉ được tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện. Theo mức lãi suất ngân hàng nhà nước quy định là 0,83%/tháng. Tính từ ngày 20/01/2020 tính đến ngày xét xử là 08 tháng 02 ngày là 83.000 đồng/tháng x 08 tháng = 664.000 đồng + 5.600 đồng = 669.600 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 10.669.600 đồng. Bà U yêu cầu số tiền lãi này là phù hợp, Tòa án chấp nhận.

Còn 02 biên nhận sau bà U không yêu cầu lãi.

Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

“Điều 466. N vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Từ phân tích và điều luật viện dẫn trên, xét thấy yêu cầu của bà U là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí:

Chị P, anh N, bà T phải chịu án phí đối với phần N vụ phải thực hiện.

Chị P bị buộc thực hiện N vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 471, 474, 476, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

- Buộc chị Lê Thị Bích P, bà Bùi Ngọc T, anh Huỳnh Văn N cùng liên đới N vụ trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vốn vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo biên nhận nợ ngày 25/5/2015.

- Buộc chị Lê Thị Bích P, bà Bùi Ngọc T cùng liên đới N vụ trả cho bà Nguyễn Thị U tiền lãi là 669.600 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

- Buộc chị Lê Thị Bích P có N vụ trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vốn vay 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) (theo biên nhận nợ ngày 15/01/2017) và 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) (theo biên nhận nợ ngày 15/8/2017).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Nguyễn Thị U trả lại cho bà Bùi Ngọc T, chị Lê Thị Bích P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Văn Nay đứng tên, số bìa AG 439623, thửa đất số 841, tờ bản đồ 06, diện tích 2.061m², đất trồng lúa, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 14/7/2006.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị U được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.645.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0009201 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Bà Bùi Ngọc T được miễn án phí nên phần án phí của bà T phải nộp được miễn.

- Buộc chị Lê Thị Bích P và ông Huỳnh Văn N cùng liên đới nộp 333.400 đồng (Ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng) đối với N vụ liên đới giữa chị P, bà T, anh N.

- Buộc chị Lê Thị Bích P phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự đối với số tiền lãi phải trả.

- Buộc chị Lê Thị Bích P phải nộp 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) đối với N vụ phải thực hiện.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thị Kiều Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lấp Vò, ngày 30 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Tiên
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Linh
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%:

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Kim Niên về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Hương hoàn trả số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Hương hoàn trả cho chị Trần Thị Kim Niên số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành mà bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

- Trần Thị Kim Niên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho chị Niên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00461 ngày 13/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Buộc Nguyễn Thị Kim Hương phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đọc lên cùng nghe và thống nhất ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA